

Số: /BC-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

## BÁO CÁO

### Đánh giá kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2024

#### I. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

##### 1. Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

###### 1.1. Công tác kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp

Căn cứ quy định của pháp luật và tình hình thực tế, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo (BCĐ) thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 404-QĐ/TU ngày 05/3/2021, Quyết định số 2747-QĐ/TU ngày 08/8/2023, do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy là Trưởng ban. Nhằm tạo được sự thống nhất trong lãnh, chỉ đạo và điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG), Trưởng BCĐ đã ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo tại Quyết định số 01-QĐ/BCĐ ngày 02/7/2021, phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo tại Quyết định số 02-QĐ/BCĐ ngày 02/7/2021; Quyết định số 04-QĐ/BCĐ ngày 29/11/2023.

Các đơn vị cấp huyện, cấp xã đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG; ban hành Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ tạo sự thống nhất và phối hợp chặt chẽ trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chương trình.

###### 1.2. Công tác xây dựng chính sách, ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững của tỉnh

Căn cứ hướng dẫn của Trung ương, UBND tỉnh Thanh Hóa đã kịp thời chỉ đạo cơ quan liên quan khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn để thống nhất triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, như: Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh; Kế hoạch của UBND tỉnh; Quyết định của UBND tỉnh và nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành, đơn đốc triển khai thực hiện. Cụ thể:

- Về văn bản quy phạm pháp luật: HĐND tỉnh đã ban hành 04 văn bản, UBND tỉnh ban hành 01 văn bản, gồm: (i) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; (ii) Cơ chế lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cơ chế huy động và sử dụng nguồn vốn tín dụng, nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; (iii) Mức hỗ trợ cho một dự án phát triển sản xuất trong lĩnh

vực nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; (iv) Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; (v) Danh mục loại dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết về việc phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phân bổ vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết về việc phân bổ vốn đầu tư, vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình hằng năm.

- UBND tỉnh đã ban hành: Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và hàng năm để thực hiện; Kế hoạch hỗ trợ huyện Bá Thước, huyện Thường Xuân thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn, giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện phong trào thi đua “Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”; Kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm; Kế hoạch triển khai thực hiện Tiểu dự án "Giảm nghèo về thông tin" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch truyền thông về Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các huyện nghèo Kế hoạch sơ kết giữa kỳ Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và một số văn bản hướng dẫn, chỉ đạo khác.

UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan Thường trực Chương trình là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các ngành có liên quan, các cơ quan được giao chủ trì thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần ban hành đầy đủ, kịp thời văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện Chương trình.

Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, hướng dẫn để thực hiện Chương trình của tỉnh đã đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện.

## **2. Công tác phối hợp giữa các sở, ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình**

Thực hiện Quyết định của Ban Chỉ đạo về phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo, trong thời gian qua, công tác điều phối, phối hợp và phân cấp trong quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình MTQG đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, thực hiện. Các ngành chủ trì thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đã chủ động tham mưu, đôn đốc và triển khai thực hiện<sup>1</sup>. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố ký kết Chương trình phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và

<sup>1</sup> Sở Lao động - TBXH là cơ quan Thường trực Chương trình, chủ trì thực hiện dự án 1; dự án 2; dự án 4; tiểu dự án 2, dự án 6; dự án 7; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện tiểu dự án 1, dự án 3; Sở Y tế chủ trì thực hiện tiểu dự án 2, dự án 3; Sở Xây dựng chủ trì thực hiện dự án 5; Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì thực hiện tiểu dự án 1, dự án 6.

UBND cấp huyện để thực hiện. Trong quá trình thực hiện, các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan luôn trao đổi, phối hợp, hỗ trợ trong quá trình thực hiện; kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc hoặc đề xuất với cấp trên những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

### **3. Hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá Chương trình**

Nhằm nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền địa phương, của người nghèo, cận nghèo và cộng đồng dân cư về công tác giảm nghèo, các sở, ngành và địa phương đã tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông về giảm nghèo phong phú và đa dạng, tùy theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Tại các huyện, thị xã, thành phố đã tích cực tuyên truyền trên đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã và các hình thức tuyên truyền khác trên địa bàn về công tác giảm nghèo và an sinh xã hội như: Treo băng-rôn, pano truyền thông giảm nghèo ở các vị trí công cộng nhằm nâng cao nhận thức đối với người nghèo, cận nghèo và mới thoát nghèo; phát hành tài liệu về công tác giảm nghèo, tờ rơi tuyên truyền chính sách và hướng dẫn cán bộ giảm nghèo và người dân về quy trình rà soát thống kê hộ nghèo hàng năm,...

### **4. Tình hình thực hiện công tác kiểm tra và giám sát, đánh giá định kỳ**

Cùng với việc chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình MTQG, công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình MTQG cũng được các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc, đảm bảo theo quy định của pháp luật. Ban Chỉ đạo và các thành viên Ban Chỉ đạo, cơ quan Thường trực Chương trình, các đơn vị liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình. Qua đó đã kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh những nội dung còn chưa phù hợp với quy định.

Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành chủ Chương trình đã thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình tại các đơn vị, địa phương.

### **5. Công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử**

Ban Dân tộc HĐND tỉnh đã thực hiện các hoạt động kiểm tra và giám sát độc lập về việc thực hiện các chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và 11 huyện miền núi; đánh giá các chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá đã phát hiện, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo tại các địa phương.

Hoạt động kiểm tra, giám sát tại các huyện, xã tập trung vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện, việc triển khai các nội dung hoạt động của Chương trình; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; giao chỉ tiêu giảm nghèo của cấp huyện cho cấp xã và việc xây dựng kế hoạch giảm nghèo đến hộ của cấp xã, thôn. Đối với các huyện, xã được đầu tư các chương trình, dự án đều thành lập Ban Giám sát cộng đồng với sự tham gia của MTTQ và người dân tại địa

phương để tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án, chương trình, nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tránh gây thất thoát, lãng phí trong đầu tư.

## **II. TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG, PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN**

### **1. Kết quả phân bổ kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương**

1.1. Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 phân bổ cho tỉnh Thanh Hóa là 1.640.539 triệu đồng. Trong tổng vốn Trung ương giao, có 1.249.507 triệu đồng hỗ trợ 06 huyện nghèo; 202.000 triệu đồng hỗ trợ 02 huyện Thường Xuân và Bá Thước thoát nghèo; 57.500 triệu đồng hỗ trợ Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn; 41.410 triệu đồng hỗ trợ Trường Trung cấp nghề Nga Sơn; 29.622 triệu đồng hỗ trợ Trung tâm Dịch vụ việc làm; 60.000 triệu đồng hỗ trợ các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển, xã đảo thuộc huyện Hậu Lộc và thị xã Nghi Sơn.

Giai đoạn 2022 - 2024, Trung ương đã giao 1.387.293 triệu đồng (năm 2022 là 486.183 triệu đồng, năm 2023 là 458.850 triệu đồng, năm 2024 là 442.260 triệu đồng). HĐND, UBND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định phân bổ kế hoạch vốn cho các đơn vị, địa phương. Chủ tịch UBND tỉnh đã giao vốn chi tiết cho các huyện, các dự án là 1.364.437 triệu đồng đạt 98,35%. Dự kiến số vốn đầu tư phát triển còn lại 22.856 triệu đồng (Trung tâm Dịch vụ việc làm<sup>2</sup> là 19.856 triệu đồng và vốn xã đặc biệt khó khăn 3.000 triệu đồng) sẽ được giao chi tiết trong quý III năm 2024 (khi các dự án đảm bảo đủ điều kiện giao chi tiết).

1.2. Tổng kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương đã phân bổ cho tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2024 là 1.328.489 triệu đồng. Trong đó, năm 2021 là 37.455 triệu đồng; năm 2022 là 132.965 triệu đồng; năm 2023 là 514.715 triệu đồng; năm 2024 là 643.354 triệu đồng. Năm 2021 - 2023, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã giao 100% kinh phí sự nghiệp Trung ương phân bổ cho các đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện. Năm 2024, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã giao đợt 1 là: 417.374 triệu đồng; đợt 2 là 51.240 triệu đồng; còn lại 174.740 triệu đồng dự kiến sẽ phân bổ đợt 3 (tháng 7 năm 2024).

*(Chi tiết tại Phụ lục I).*

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư đối ứng từ nguồn ngân sách tỉnh (bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện) để thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (theo báo cáo, đề xuất của các sở, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố) là 155.316 triệu đồng<sup>3</sup> (các sở, ngành, địa phương không đề xuất nhu cầu kinh phí sự nghiệp đối ứng từ nguồn ngân sách tỉnh). Sau khi các dự án thuộc Chương trình được phê duyệt quyết toán dự án, căn cứ nhu cầu vốn còn thiếu, sẽ

<sup>2</sup> Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến, xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc tại Trung tâm DVVL tỉnh đang trình phê duyệt.

<sup>3</sup> Theo quy định, tổng vốn đầu tư đối ứng từ ngân sách tỉnh (bằng 10% vốn đối ứng từ ngân sách Trung ương) là 164.053,9 triệu đồng. Tuy nhiên, do một số công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 đã thực hiện xong nên các huyện không có nhu cầu đối ứng; chỉ đề xuất đối với các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025.

bổ sung cho các huyện theo hình thức bổ sung có mục tiêu để thanh toán khối lượng hoàn thành các dự án theo quy định của pháp luật và Nghị quyết số 257/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa<sup>4</sup>.

## **2. Kết quả giải ngân vốn của Chương trình**

### **2.1 Vốn đầu tư phát triển**

- Đã giải ngân năm 2022 được 254.881 triệu đồng; giải ngân năm 2023 được 412.052 triệu đồng (gồm vốn năm 2022 chuyển nguồn sang 2023 và vốn năm 2023); giải ngân 6 tháng năm 2024 được 206.161 triệu đồng (bao gồm 4.467 triệu đồng vốn năm 2022; 64.626 triệu đồng vốn 2023 chuyển nguồn sang 2024 và 137.068 triệu đồng vốn năm 2024). Đạt 62,95% tổng số vốn trung ương giao. Đối với số vốn năm 2024 giải ngân đạt 31%.

Dự kiến đến ngày 31/12/2024 sẽ giải ngân vốn đầu tư phát triển được Trung ương giao giai đoạn 2022 - 2024 đạt khoảng 1.305.560 triệu đồng/1.387.293 triệu đồng, đạt 94% so với kế hoạch vốn.

### **2.2. Vốn sự nghiệp**

- Đã giải ngân năm 2021: 37.455 triệu đồng; năm 2022: 23.247 triệu đồng; năm 2023: 335.273 triệu đồng (bao gồm vốn năm 2022 chuyển sang và vốn năm 2023), dự kiến năm 2024: 540.129 triệu đồng (bao gồm vốn năm 2022, 2023 chuyển sang và vốn năm 2024).

- Dự kiến đến ngày 31/12/2024 sẽ giải ngân vốn sự nghiệp được Trung ương phân bổ giai đoạn 2021 - 2024 đạt 936.104 triệu đồng/1.328.489 triệu đồng, đạt 70%.

*(Chi tiết tại Phụ lục II).*

## **3. Nguồn huy động hợp pháp khác**

### **3.1. Huy động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc**

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh đã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân hưởng ứng, tham gia các hoạt động chăm lo cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, qua đó khơi dậy tinh thần đoàn kết giúp nhau phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, làm giàu hợp pháp ở từng địa phương, vận động Nhân dân giúp nhau phát triển kinh tế; đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng, nêu cao tinh thần, trách nhiệm của mỗi người dân trong cộng đồng dân cư.

Hưởng ứng phong trào “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” và thực hiện công tác giảm nghèo bền vững, công tác vận động ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” hàng năm được triển khai có hiệu quả, thu hút nhiều doanh nghiệp, nhà hảo tâm và các tầng lớp Nhân dân trong và ngoài tỉnh tham gia. Tháng cao điểm “Vì người nghèo” được tổ chức với nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả từ các địa phương đã tạo nên những hiệu ứng xã hội tích cực. Từ năm 2021 đến năm 2023, Quỹ “Vì người nghèo” các cấp đã vận động trên 250 tỷ

<sup>4</sup> Công văn số 285/UBND-THKH ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

đồng (cấp tỉnh trên 69 tỷ đồng, cấp huyện, xã trên 181 tỷ đồng) để làm nhà cho người nghèo; hỗ trợ sản xuất, khám chữa bệnh, giúp học sinh nghèo học tập,...

Năm 2022, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai chủ trương hỗ trợ xây dựng nhà ở cho đồng bào sinh sống trên sông lên bờ ổn định cuộc sống, sau 2 năm thực hiện, được sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy, tổ chức đảng; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của Tòa giám mục giáo phận Công giáo Thanh Hóa, sự chung tay ủng hộ của các doanh nghiệp, nhà hảo tâm; sự đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân, đến nay, cơ bản các hộ đồng bào sinh sống trên sông trên địa bàn tỉnh đã được cấp đất ở và hỗ trợ kinh phí xây nhà ở, cụ thể: Đã có 179 hộ dân sinh sống trên sông được hỗ trợ đất ở với diện tích 20.103,2m<sup>2</sup>; Huy động được 18.821 triệu đồng xây dựng cơ sở hạ tầng tái định cư; huy động các tổ chức, doanh nghiệp, gia đình, dòng họ, cộng đồng hỗ trợ xây dựng 182 nhà ở với số tiền 52.442 triệu đồng.

Năm 2024, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 30/3/2024 về Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 02 năm 2024 - 2025, mục tiêu hỗ trợ 5.000 căn nhà với mức hỗ trợ xây mới 80 triệu đồng/căn. Kinh phí dự kiến để thực hiện hơn 400 tỷ đồng. Hiện nay, các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đang tích cực triển khai vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm, tổ chức, hộ gia đình, công chức, viên chức, người lao động, các cá nhân ủng hộ kinh phí để triển khai thực hiện hỗ trợ.

3.2. Huy động của cộng đồng và các hộ tham gia các dự án của Chương trình

Thực hiện các dự án thuộc Chương trình, các hộ trực tiếp tham gia vào dự án 2, Tiểu dự án 1 Dự án 3, Dự án 5 đã đóng góp kinh phí, tiền mặt, hiện vật và ngày công để cùng thực hiện và trực tiếp thụ hưởng sự hỗ trợ từ Chương trình. Tổng kinh phí huy động giai đoạn 2021 - 2024 ước đạt 514.656 triệu đồng. Trong đó kinh phí huy động của Dự án 2 chiếm khoảng 24% vốn Trung ương; tiểu dự án 1 dự án 3 khoảng 43% vốn Trung ương; dự án 5 khoảng 150% vốn Trung ương hỗ trợ.

3.3. Thực hiện tín dụng chính sách xã hội hỗ trợ giảm nghèo

Hiện nay, tất cả các thôn, bản, khu phố trong tỉnh đều được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng chính sách, xóa bỏ hoàn toàn thôn, bản trắng về tín dụng ưu đãi. Tổng dư nợ tín dụng chính sách ước đến ngày 31/12/2024 đạt 14.588 tỷ đồng, tăng 3.798 tỷ đồng so với năm 2021, với hơn 252 ngàn hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác đang vay vốn.

- Chương trình cho vay hộ nghèo: Dự kiến dư nợ đến ngày 31/12/2024 đạt 1.635 tỷ đồng, tăng 683 tỷ đồng so với năm 2021; chiếm 11% tổng dư nợ, với hơn 25 nghìn khách hàng dư nợ. Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2024: Doanh số cho vay đạt 2.013 tỷ đồng với gần 32 ngàn lượt hộ được vay vốn; doanh số thu nợ đạt 1.589 tỷ đồng.

- Chương trình cho vay hộ cận nghèo: Dự kiến dư nợ thời điểm ngày 31/12/2024 đạt 3.150 tỷ đồng, chiếm 22% tổng dư nợ, tăng 273 tỷ đồng so với

năm 2021, với gần 48 nghìn khách hàng dư nợ. Kết quả đạt được giai đoạn 2021-2024: doanh số cho vay của chương trình là 3.912 tỷ đồng, với gần 57 nghìn lượt hộ cận nghèo được vay vốn; doanh số thu nợ đạt 3.590 tỷ đồng.

- Chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo: Dư nợ dự kiến đến ngày 31/12/2024 đạt 2.847 tỷ đồng, chiếm 20% tổng dư nợ, tăng 633 tỷ đồng so với dư nợ chương trình hộ mới thoát nghèo năm 2021, với gần 42 nghìn khách hàng đang dư nợ. Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2024: doanh số cho vay đạt 3.481 tỷ đồng, với gần 51 nghìn lượt hộ đã được vay vốn; doanh số thu nợ là 2.178 tỷ đồng.

### **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN**

#### **1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo**

##### **1.1. Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo**

###### **a) Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo**

Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 hỗ trợ cho các huyện nghèo là 1.249.507 triệu đồng. Từ năm 2022 - 2024, HĐND tỉnh đã phân bổ cho 6 huyện nghèo để thực hiện 59 dự án, trong đó 28 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2021, 31 dự án đầu tư mới.

Đến nay, HĐND tỉnh đã phân bổ, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao vốn chi tiết các năm 2022-2024 cho các huyện, các dự án là 1.034.015 triệu đồng (bằng 100% kế hoạch vốn), trong đó vốn năm 2022 là 429.793 triệu đồng, vốn năm 2023 là 273.233 triệu đồng, năm 2024 là 330.989 triệu đồng.

Kết quả giải ngân vốn đầu tư phát triển lũy kế đến tháng 6 năm 2024 được 671.122 triệu đồng, dự kiến đến ngày 31/12/2024 được khoảng 993.915 triệu đồng/1.034.015 triệu đồng, đạt 96% kế hoạch vốn.

Tổng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương đã giao: 79.815 triệu đồng (năm 2022: 12.519 triệu đồng năm 2023: 27.324 triệu đồng, năm 2024: 39.972 triệu đồng). Dự kiến giải ngân vốn sự nghiệp hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng công trình của 06 huyện đến hết tháng 12 năm 2024 là 79.314 triệu đồng/79.815 triệu đồng, đạt 99%.

###### **b) Hoạt động 2: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo**

Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Thanh Hóa có 03 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, gồm: Xã Nghi Sơn, xã Hải Hà thuộc thị xã Nghi Sơn; xã Ngư Lộc thuộc huyện Hậu Lộc. Tuy nhiên do xã Hải Hà nằm trong quy hoạch mở rộng xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018, vì thế không giao vốn đầu tư phát triển cho xã Hải Hà để tránh lãng phí.

Các năm 2022 - 2024, HĐND tỉnh đã phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương cho xã Ngư Lộc và xã Nghi Sơn 45.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp 4.500 triệu đồng.

Kết quả giải ngân vốn đầu tư phát triển dự kiến đến ngày 31/12/2024 của 02 xã (Ngư Lộc và Nghi Sơn) được khoảng 43.000 triệu đồng/45.000 triệu đồng, đạt 95,56%. Giải ngân vốn sự nghiệp hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng các công trình của 03 xã (Ngư Lộc, Nghi Sơn và Hải Hà) dự kiến đến ngày 31/12/2024 được khoảng 4.406 triệu đồng/4.500 triệu đồng được giao, đạt 97,9%.

### **1.2. Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025**

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 17/02/2023 để hỗ trợ huyện Bá Thước, huyện Thường Xuân thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025.

Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương là 202.000 triệu đồng, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 365/NQ-HĐND ngày 24/3/2023, phê duyệt: Danh mục dự án đầu tư, gồm 07 dự án (huyện Thường Xuân 02 dự án; huyện Bá Thước 05 dự án); danh mục dự án, công trình duy tu, bảo dưỡng, gồm 07 dự án (huyện Thường Xuân 03 dự án; huyện Bá Thước 04 dự án). HĐND tỉnh đã giao có mục tiêu, UBND tỉnh đã giao kế hoạch vốn năm 2023 là 141.400 triệu đồng, năm 2024 là 60.600 triệu đồng để các huyện thực hiện 07 dự án. 7/7 dự án đầu tư được Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt.

Kết quả giải ngân vốn đầu tư phát triển được Trung ương giao của 02 huyện Bá Thước, Thường Xuân: Năm 2023: 30.210 triệu đồng, 6 tháng đầu năm 2024: 45.909 triệu đồng; giải ngân vốn sự nghiệp hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng 7 công trình năm năm 2023 của 02 huyện Bá Thước, Thường Xuân là 11.090 triệu đồng/14.140 triệu đồng được giao, đạt 78,43%.

Dự kiến đến ngày 31/12/2024 giải ngân vốn đầu tư phát triển được Trung ương giao của 02 huyện Bá Thước, Thường Xuân được 189.400 triệu đồng, đạt 94%; vốn sự nghiệp hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng 7 công trình của 02 huyện Bá Thước, Thường Xuân là 20.145 triệu đồng, giải ngân đạt 99,77%.

### **2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo**

Tổng kinh phí Trung ương giao giai đoạn 2021 - 2024 là 300.643 triệu đồng. Trong đó, năm 2021 là 5.671 triệu đồng; năm 2022 là 45.467 triệu đồng; năm 2023 là 114.535 triệu đồng; năm 2024 là 134.970 triệu đồng đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh phân bổ 100% cho các đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện.

Tiến độ thực hiện: Đến tháng 6/2024 đã giải ngân vốn Trung ương được 116.567 triệu đồng, đạt 38,77% (Tổng kinh phí thực hiện dự án: 878.828 triệu đồng, vốn Trung ương 116.567 triệu đồng, vốn NSDP 301 triệu đồng, vốn đối ứng của hộ gia đình và các đơn vị chủ trì liên kết 761.960 triệu đồng).

Đã triển khai được 320 dự án gồm 21 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; 299 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng. Các loại



hình dự án chủ yếu tập trung vào chăn nuôi: 302 dự án chăn nuôi như: trâu, bò, dê, lợn, gà, vịt,... Có 12 dự án trồng trọt: chủ yếu là cây dược liệu và cây ăn quả, 06 dự án nuôi cá lồng.

Có 11.101 hộ gia đình được hưởng lợi từ dự án: Trong đó có 5.409 hộ nghèo, 311 hộ người khuyết tật, 4.202 hộ cận nghèo, 675 hộ mới thoát nghèo, 504 hộ dân khác; 2.323 hộ là người dân tộc thiểu số; 1.062 hộ có phụ nữ là chủ hộ. Dự kiến hết năm 2024 giải ngân được 218.168 triệu đồng, đạt 72%.

### **3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

#### **3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**

- Vốn và phân bổ vốn: Tổng vốn Trung ương giao giai đoạn 2021 - 2024 là 139.764 triệu đồng. Trong đó: Năm 2021 là 13.748 triệu đồng; năm 2022 là 19.668 triệu đồng; năm 2023 là 50.517 triệu đồng; năm 2024 là 55.795 triệu đồng. Đến nay, nguồn vốn này đã được phân bổ 100% cho các ngành, địa phương để tổ chức thực hiện.

- Tiến độ thực hiện: UBND tỉnh đã giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức thực hiện. Số dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: 249 (dự án trồng trọt 36; dự án chăn nuôi 207; dự án lâm nghiệp 04; dự án phi nông nghiệp 02) với 6.816 đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hưởng lợi.

Dự kiến đến ngày 31/12/2024 giải ngân được 114.910 triệu đồng đạt 82% (trong đó: năm 2021 giải ngân 13.784 triệu đồng, năm 2023 được 27.245 triệu đồng, dự kiến năm 2024: 73.881 triệu đồng).

#### **3.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng**

- Vốn và phân bổ vốn: Năm 2023 - 2024, tổng vốn sự nghiệp Trung ương đã phân bổ là 30.514 triệu đồng (năm 2023: 12.974 triệu đồng, năm 2024: 17.540 triệu đồng), trong đó: Cấp tỉnh: 3.051 triệu đồng (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh 2.971 triệu đồng, Sở Y tế: 40 triệu đồng, Sở Giáo dục và Đào tạo: 40 triệu đồng); cấp huyện: 27.463 triệu đồng, phân bổ cho 27/27 huyện, thị xã, thành phố.

- Tiến độ thực hiện

Đến tháng 9/2023, Bộ Y tế mới ban hành hướng dẫn triển khai thực hiện nhưng Sở Y tế và các địa phương đã triển khai: (1) Tổ chức tập huấn “Nghệ thuật điều tra về đánh giá khảo sát tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi, trẻ học đường 5-16 tuổi bị suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi (SDD thấp còi), suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao (SDD gầy còm) cho cán bộ y tế; (2) tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ dinh dưỡng tuyến xã và thôn bản về các kỹ thuật chuyên môn triển khai hoạt động về dinh dưỡng (mỗi TYT xã 03 người); (3) Tổ chức điều tra đánh giá khảo sát tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi, trẻ học đường 5-16 tuổi bị suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi (suy dinh dưỡng thấp còi), suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao (suy dinh dưỡng gầy còm) và thực hiện các nội dung hỗ trợ khác có liên quan theo quy định.

Đến nay đã triển khai thực hiện và giải ngân được khoảng 5.900 triệu đồng, dự kiến đến hết năm 2024 giải ngân được 21.246 triệu đồng đạt 69,6%.

#### **4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

##### **4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**

###### *a) Vốn và phân bổ nguồn vốn*

- Tổng vốn đầu tư phát triển Trung ương phân bổ thực hiện giai đoạn 2022-2025 là 99.410 triệu đồng. HĐND tỉnh, UBND tỉnh phân bổ để thực hiện dự án Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn là 57.500 triệu đồng, Trường Trung cấp nghề Nga Sơn là 41.910 triệu đồng để thực hiện xây dựng, nâng cấp, cải tạo phòng học, nhà xưởng, mua sắm trang thiết bị. HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã giao vốn các năm 2022, 2023, 2024 cho Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn là 41.032 triệu đồng; Trường Trung cấp nghề Nga Sơn là 39.823 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 142.770 triệu đồng. Trong đó: năm 2021 là: 18.000 triệu đồng; năm 2022 là: 27.886 triệu đồng; năm 2023 là 45.546 triệu đồng; năm 2024- là 51.338 triệu đồng. HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã giao 100% vốn cho các sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện và cơ sở giáo dục nghề nghiệp để thực hiện.

###### *b) Tiến độ thực hiện*

- Đối với các dự án đầu tư: (i) Dự án Trường Trung cấp nghề Nga Sơn: đến tháng 6/2024 đã giải ngân được 29.308 triệu đồng, dự kiến hết năm 2024 giải ngân 39.823 triệu đồng đạt 100%. (ii) Dự án Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn mới được phê duyệt giao vốn chi tiết (tháng 6 năm 2024), dự kiến hết năm 2024 giải ngân được 27.835 triệu đồng, đạt 68%.

- Đối với các hoạt động sử dụng kinh phí sự nghiệp

+ UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các địa phương tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ, nhà giáo; nâng cao năng lực cho học sinh, sinh viên kiến thức khởi sự doanh nghiệp; tổ chức ngày hội tư vấn việc làm; điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu đào tạo, ngành nghề đào tạo; tổ chức các lớp đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng cho người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo<sup>5</sup>.

+ UBND các huyện đã triển khai thực hiện các hoạt động, gồm: Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu đào tạo, ngành nghề đào tạo; tổ chức các lớp đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng cho người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Tính đến tháng 01 năm 2024, đã mở được trên 130 lớp đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng cho khoảng 4.540 người lao động, tập trung chủ yếu vào các ngành, nghề như: Đan lát thủ công; trồng trọt, chăn nuôi; nghiệp vụ du lịch gia đình; chế biến lâm sản; kỹ thuật chế biến món ăn,...

+ Tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hỗ trợ mua sắm thiết bị, phương tiện đào tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất từ nguồn vốn sự nghiệp: 11 cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hỗ trợ, bao gồm: Trường CDN Nghi Sơn, Trường CD Công nghiệp Thanh Hóa, Trường CD Y tế Thanh Hóa,

<sup>5</sup> Bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ, nhà giáo: 300 người; tập huấn nâng cao năng lực cho nhà giáo: 205 người; tổ chức 21 cuộc truyền thông hướng nghiệp cho học sinh các trường THCS& THPT, các Trung tâm GDNN-GDTX; tổ chức 04 cuộc tập huấn nâng cao năng lực cho học sinh, sinh viên kiến thức khởi sự doanh nghiệp; tổ chức 04 cuộc ngày hội tư vấn việc làm tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức 01 Hội thảo chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, nhà giáo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức tư vấn, hướng nghiệp cho trên 3.000 học sinh tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh.

Trường CD Nông nghiệp Thanh Hóa, Trường TCN Nga Sơn, Trường TCN Kỹ nghệ Thanh Hóa, Trường TCN Thanh thiếu niên khuyết tật đặc biệt khó khăn, Trường TCN Thương mại Du lịch, Trường TCN Bim Sơn, Trường TCN Giao thông Vận tải, Trường TCN Miền núi.

+ Tổng số người được đào tạo: 8.925 người (lao động thuộc hộ nghèo: 890 người; lao động thuộc hộ cận nghèo: 1.400 người; lao động thuộc hộ mới thoát nghèo: 1.785 người; lao động có thu nhập thấp: 4.850 người);

+ Tiến độ giải ngân vốn sự nghiệp trung ương đến ngày 31/12/2024 dự kiến được 79.255 triệu đồng, đạt 55,5%;

#### **4.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

Tổng kinh phí Trung ương giao giai đoạn 2021 - 2024 là 16.091 triệu đồng. Trong đó, năm 2022 là 2.140 triệu đồng; năm 2023 là 6.982 triệu đồng; năm 2024 là 6.969 triệu đồng, đã thực hiện phân bổ 100% vốn cho các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo để thực hiện.

- Tiến độ thực hiện: Đã giải ngân đến nay được 1.079 triệu đồng, đạt 6,7% kinh phí được giao. Trong đó:

+ Hỗ trợ trực tiếp chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, khám sức khỏe, làm hộ chiếu, làm lý lịch tư pháp, lệ phí cấp visa cho người lao động đủ điều kiện xuất cảnh là 117 người, với số tiền là 422,22 triệu đồng (trong đó lao động là đồng bào dân tộc thiểu số là 62 người, lao động thuộc hộ cận nghèo là 3 người).

+ Thực hiện tập huấn cho cán bộ và tuyên truyền viên cơ sở, tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động và thân nhân người lao động đi làm việc ở nước ngoài cho hơn 9.500 lượt người với số tiền là 656,85 triệu đồng.

Dự kiến hết năm 2024 giải ngân được 5.591 triệu đồng, đạt 34%.

#### **4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững**

##### **a) Vốn và phân bổ vốn**

- Vốn đầu tư phát triển: Tổng vốn đầu tư phát triển Trung ương phân bổ thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 là 29.622 triệu đồng để thực hiện dự án Trung tâm Dịch vụ việc làm.

- Vốn sự nghiệp giai đoạn 2022 -2024 là 43.994 triệu đồng. Trong đó năm 2022 là 6.409 triệu đồng; năm 2023 là 16.933 triệu đồng; năm 2024 là 20.652 triệu đồng. Đến nay đã giải ngân được 11.750,538 triệu đồng, đạt 26,7% nguồn vốn được giao.

##### **b) Tiến độ thực hiện**

- Về vốn đầu tư phát triển để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản phẩm dịch vụ việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu: Tính đến ngày 31/5/2024 vẫn chưa giải ngân được nguồn vốn do Dự án chưa được phê duyệt, đang trong quá trình hoàn chỉnh hồ sơ, trình Hội đồng thẩm định (thành lập theo Quyết định số 4754/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Về vốn sự nghiệp

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc

Tính đến ngày 31/5/2024, đã tiến hành khảo sát, thu thập, cập nhật thông tin của 1.147 đơn vị sử dụng lao động (gồm: doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã) có nhu cầu tuyển dụng lao động và khảo sát, thu thập thông tin tìm kiếm việc làm của 9.067 người lao động; cập nhật vào cơ sở dữ liệu thông tin việc tìm người là 1.147 phiếu và thông tin người tìm việc tại 6.440 phiếu.

Tổ chức 10 lớp tập huấn cho điều tra viên cấp thôn về triển khai thu thập cơ sở dữ liệu việc tìm người, người tìm việc tại 06 huyện: Bá Thước, Hậu Lộc, Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hoá, Lang Chánh và Thường Xuân, với sự tham gia của 813 điều tra viên là trưởng các thôn, bản, khu phố; hơn 100 đại diện lãnh đạo UBND, cán bộ chính sách xã, thị trấn.

Ước tính đến hết năm 2024, sẽ tiến hành thu thập, cập nhật thông tin của 2.047 đơn vị sử dụng lao động có nhu cầu tuyển dụng lao động và khảo sát, thu thập thông tin tìm kiếm việc làm của 11.000 người lao động.

+ Hỗ trợ giao dịch việc làm

Từ năm 2022 đến hết tháng 5 năm 2024, đã tổ chức được 10 phiên Giao dịch việc làm/ngày hội việc làm và 26 hội nghị tư vấn - giới thiệu việc làm, với sự tham gia của 175 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cơ sở đào tạo. Tại các hội nghị và phiên giao dịch việc làm/ngày hội việc làm đơn vị đã hỗ trợ tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm cho 11.806 người lao động; trong đó: số lao động thuộc huyện nghèo 10.815 người, lao động thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo 264 người, số lao động là nữ giới là 6.728 người. Dự kiến từ năm 2022 đến hết năm 2024, sẽ tổ chức được 12 phiên giao dịch việc làm và 42 hội nghị tư vấn - giới thiệu việc làm, với sự tham gia của 244 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cơ sở đào tạo; hỗ trợ tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm cho khoảng 17.586 người lao động tại các phiên giao dịch việc làm tại các hội nghị và phiên giao dịch việc làm/ngày hội việc làm.

+ Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư: Hiện nay đã tổ chức 40 hội nghị tập huấn cho cán bộ điều tra phiếu thông tin người lao động và nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; UBND cấp huyện, cấp xã tiến hành thu thập dữ liệu của 1.082.762 thông tin của người lao động và công an cấp xã đã nhập vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là 995.921 người lao động. Ước đến hết năm 2024 sẽ cập nhật vào cơ sở dữ liệu hơn 1,6 triệu thông tin của người lao động.

+ Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động: Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và phát hành 01 bản tin về thị trường lao động. Dự kiến phát hành 03 bản tin Bảo hiểm thất nghiệp/bản tin hình thông tin thị trường lao động trong năm 2024.

+ Hỗ trợ kết nối việc làm thành công: Thông qua các phiên giao dịch việc làm, hội nghị tư vấn giới thiệu việc làm và các hoạt động hỗ trợ việc làm khác như: tư vấn việc làm trực tiếp tại Trung tâm Dịch vụ việc làm, tư vấn gián tiếp

qua các ứng dụng công nghệ thông tin, trang thông tin điện tử của đơn vị, mạng xã hội Facebook, zalo,...; tờ rơi, băng-rôn, áp phích..., Trung tâm đã hỗ trợ kết nối việc làm cho 1.473 lao động (trong đó: số lao động thuộc huyện nghèo 294 người; số lao động là nữ giới 863 người). Tổng số hồ sơ lao động được hỗ trợ tư vấn việc làm thành công làm thủ tục thanh quyết toán: 90 hồ sơ. (trong đó: có 49 hồ sơ đã được thanh toán; 41 hồ sơ đang chờ thanh toán). Ước hết năm 2024 kết nối việc làm cho 1.684 lao động.

Dự kiến hết năm 2024 giải ngân vốn đầu tư phát triển được 11.587 triệu đồng, đạt 51%; giải ngân vốn sự nghiệp được 28.073 triệu đồng, đạt 63%.

## **5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo**

UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo của tỉnh Thanh Hóa thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 15/6/2023), với tổng số hộ nghèo thuộc diện đối tượng được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở là 6.045 hộ; tổng số hộ cận nghèo thuộc diện đối tượng được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở: 2.472 hộ. Trong đó: số hộ đề xuất hỗ trợ xây mới là: 4.637 hộ; số hộ đề xuất hỗ trợ cải tạo là: 3.880 hộ. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện là 263.080 triệu đồng.

Về vốn và phân bổ vốn: Năm 2023, Trung ương đã phân bổ cho tỉnh 182.140 triệu đồng, năm 2024 Trung ương phân bổ là 266.085 triệu đồng. Tổng kinh phí tỉnh Thanh Hóa đã phân bổ năm 2023 - 2024 là 273.840 triệu đồng. Số kinh phí còn lại của dự án 5 chưa phân bổ đến tháng 6/2024 là 174.385 triệu đồng.

Theo chỉ đạo của UBND tỉnh, các huyện nghèo dự kiến sau khi rà soát lại có tổng số hộ đề nghị xây mới là 5.607 hộ, sửa chữa là 5.418 hộ, tổng kinh phí là thực hiện là 332.640 triệu đồng, tổng nhu cầu vốn tăng thêm sau khi UBND tỉnh điều chỉnh phê duyệt lại Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo của UBND các huyện nghèo để thực hiện Dự án 5 dự kiến là 69.560 triệu đồng sẽ được HĐND tỉnh phân bổ tiếp trong năm 2024. Số kinh phí còn lại 104.825 triệu đồng sẽ được phân bổ cho các dự án khác của Chương trình theo Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội.

Tiến độ giải ngân: Năm 2023 đã hỗ trợ cho 3.385 hộ (xây mới 1.643 hộ, sửa chữa 1.742 hộ) với số tiền đã giải ngân được 129.380 triệu đồng, đạt 71% số vốn Trung ương giao. Dự kiến hết năm 2024 sẽ giải ngân 273.840 triệu đồng, đạt 100% vốn đã được HĐND tỉnh giao.

## **6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

### **6.1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin**

- Vốn và phân bổ vốn: Tổng vốn Trung ương giao giai đoạn 2022 - 2024 là 22.191 triệu đồng. Trong đó: Năm 2022 là: 1.127 triệu đồng; năm 2023 là: 14.132 triệu đồng; năm 2024 là: 6.932 triệu đồng. Đến nay, đã phân bổ 100% số vốn cho các đơn vị, địa phương thực hiện.

- Tiến độ thực hiện:

+ Nội dung có tính chất đặc thù: UBND tỉnh giao cho Sở Thông tin và Truyền thông triển khai lập dự án (1) sửa chữa nâng cấp 17 đài truyền thanh cho các xã đặc biệt khó khăn khu vực III với số tiền là: 8.075 triệu đồng<sup>6</sup>; (2) lập dự toán trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng đối với cụm thông tin điện tử tại Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo huyện Quan Sơn, với nguồn kinh phí thực hiện: 1.005 triệu đồng.

+ Nội dung không có tính chất đặc thù: UBND tỉnh giao cho Sở Thông tin và Truyền thông, các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin và truyền thông; biên tập, phát hành các ấn phẩm truyền thông.

Hết năm 2023 đã giải ngân được là 4.336 triệu đồng<sup>7</sup>, dự kiến hết năm 2024 giải ngân được 20.680 triệu đồng, đạt 93%.

## **6.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều**

- Vốn và phân bổ vốn: Tổng vốn Trung ương giao giai đoạn 2022 - 2024 là 14.879 triệu đồng. Trong đó: Năm 2022 là: 1.408 triệu đồng; năm 2023 là: 6.362 triệu đồng; năm 2024 là: 7.109 triệu đồng. Đến nay, đã phân bổ 100% số vốn cho các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan là thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh để tổ chức thực hiện.

- Tiến độ thực hiện: Các cơ quan cấp tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố đã đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về giảm nghèo với các hình thức phong phú đa dạng như: Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về các dự án, tiểu dự án thuộc chương trình MTQG giảm nghèo; hợp đồng với cơ quan báo chí, truyền hình viết bài, phát phóng sự; tổ chức hội nghị đối thoại chính sách giảm nghèo; xây dựng pano, tờ rơi tuyên truyền,...

Hết năm 2023 đã giải ngân được 6.239 triệu đồng<sup>8</sup>, dự kiến hết năm 2024 giải ngân được 14.629 triệu đồng, đạt 98%.

## **7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**

### **7.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình**

- Vốn và phân bổ vốn: Tổng vốn Trung ương giao giai đoạn 2022 - 2024 là 41.342 triệu đồng. Trong đó: Năm 2022 là: 9.107 triệu đồng; năm 2023 là: 14.289 triệu đồng, năm 2024 là: 17.946 triệu đồng. Đến nay, đã phân bổ 100% số vốn cho các ngành thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.

<sup>6</sup> Xã Trung Lý, thị trấn Mường Lát, xã Mường Lý, huyện Mường Lát; xã Na Mèo, xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn; xã Thành Sơn, huyện Bá Thước; xã Yên Khương, huyện Lang Chánh; xã Luận Khê, huyện Thường Xuân; xã Thanh Sơn, xã Thanh Hòa, xã Thanh Phong, xã Thanh Lâm, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân; xã Thanh Kỳ, xã Xuân Thái, huyện Như Thanh; xã Ngự Lộc, huyện Hậu Lộc; xã Nghi Sơn, thị xã Nghi Sơn. Mức chi: 475 triệu đồng/01đài/01xã

<sup>7</sup> 30 lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho 3412 cán bộ thông tin, tuyên truyền; Biên tập và xuất bản 01 ấn phẩm: Hỏi đáp nhanh về những thắc mắc cây trồng vật nuôi. Số lượng xuất bản: 3.465 cuốn; Biên soạn và in 17.185 tờ rơi tuyên truyền về chính sách giảm nghèo cấp phát cho phòng Văn hóa và Thông tin, Đài truyền thanh, Hội liên hiệp phụ nữ huyện và Đài Truyền thanh, Hội phụ nữ, Hội Nông dân cấp xã. Sở đặt hàng sản xuất 02 phóng sự tuyên truyền về chính sách giảm nghèo; Các huyện, thị xã, thành phố đã sản xuất 95 Chương trình phát thanh tuyên truyền về chính sách giảm nghèo; Sản xuất 90 clip, đăng tải trên mạng internet, mạng xã hội,...

<sup>8</sup> Hỗ trợ hơn 20 cơ quan báo chí tuyên truyền về công tác giảm nghèo; tổ chức 45 cuộc đối thoại chính sách với hơn 5000 người tham gia 20 lượt, xây dựng nhiều cụm Pano, tờ rơi tuyên truyền về Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và chính sách giảm nghèo kết quả giải ngân đạt khá so với ngân sách được phân bổ,...

- Tiến độ thực hiện: Các ngành thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia; các huyện, thị xã, thành phố đã tích cực tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực thực hiện Chương trình cho cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện cấp xã, cấp thôn.

+ Cấp tỉnh đã tổ chức tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo: 36 lớp tập huấn với 2.729 lượt cán bộ được tập huấn; 625 lượt cán bộ cấp tỉnh; 810 lượt cán bộ cấp huyện; 1.294 lượt cán bộ cấp xã; 1.290 lượt cán bộ nữ; 335 lượt cán bộ dân tộc thiểu số. Tổ chức 6 cuộc đi học tập kinh nghiệm tại các tỉnh trên cả nước với 248 lượt cán bộ tham dự, 124 lượt cán bộ cấp tỉnh, 124 lượt cán bộ cấp huyện, 119 lượt cán bộ nữ, 48 lượt cán bộ dân tộc thiểu số).

+ Cấp huyện đã tổ chức trên 30 lớp tập huấn nâng cao năng lực thực hiện Chương trình cho khoảng gần 3.120 cán bộ (81 cấp huyện, 420 cấp xã, 715 cấp thôn, 650 cán bộ nữ, 1.254 cán bộ là người DTTS), kết quả giải ngân đạt tốt so với ngân sách được phân bổ. Các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn: đã tổ chức được trên 30 lớp tập huấn nâng cao năng lực thực hiện Chương trình cho khoảng gần 3.582 cán bộ (587 cấp huyện, xã; 2.995 cấp thôn, bản); Cấp Tỉnh và các huyện tổ chức cho cán bộ giảm nghèo các cấp đi học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các tỉnh; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo,...

Đến hết năm 2023 đã giải ngân được 17.797 triệu đồng, dự kiến hết năm 2024 giải ngân được 37.851 triệu đồng, đạt 91%.

## **7.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá**

- Vốn và phân bổ vốn: Tổng vốn Trung ương giao giai đoạn 2022 - 2024 là 23.261 triệu đồng. Trong đó: Năm 2022 là: 4.834 triệu đồng; năm 2023 là: 7.641 triệu đồng; năm 2024 là 10.786 triệu đồng. Đến nay, đã phân bổ 100% số vốn cho các ngành thành viên Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.

- Tiến độ thực hiện

Căn cứ Kế hoạch tổ chức giám sát, đánh giá được UBND tỉnh ban hành hàng năm, các ngành thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã tổ chức đi đánh giá, giám sát tại cơ sở (theo phân công phụ trách địa bàn của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia); Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp các sở, ngành tổ chức 155 cuộc đi kiểm tra giám sát Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tại các huyện. Các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức trên 300 cuộc giám sát tại cấp huyện, cấp xã (giám sát việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và việc triển khai thực hiện Chương trình). Qua công tác kiểm tra, giám sát đã kịp thời giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện; đôn đốc, hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình.

Đến hết năm 2023 đã giải ngân được 7.272 triệu đồng, dự kiến hết năm 2024 giải ngân được 16.402 triệu đồng, đạt 70%.

## IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo<sup>9</sup>

Năm 2021: Áp dụng chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2021; tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,69%; từ 2,2% xuống còn 1,51% (giảm 6.798 hộ; từ 21.923 hộ xuống còn 15.125 hộ). Tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 0,88%; từ 6,66% xuống còn 5,78% (giảm 8.747 hộ; từ 66.746 hộ xuống còn 57.729 hộ).

Năm 2022: Áp dụng chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025; tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,79%; từ 6,77% xuống còn 4,99% (giảm 17.791 hộ; từ 67.684 hộ xuống còn 49.893 hộ). Tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 1,81%; từ 8,70% xuống còn 6,89% (giảm 17.966 hộ; từ 86.912 hộ xuống còn 68.946 hộ). Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm 7,37%; từ 27,23% xuống còn 19,86%, (giảm 9.879 hộ; từ 42.052 hộ xuống còn 32.173 hộ). Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm 5,4%.

Năm 2023: Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,47% từ 4,99% xuống còn 3,52% (giảm 14.573 hộ; từ 49.893 hộ xuống còn 35.320 hộ). Tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 1,32%; từ 6,89% xuống còn 5,57%; (giảm 13.149 hộ; từ 68.946 hộ xuống còn 55.797 hộ). Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm 5,11% từ 19,86% xuống còn 14,75% (giảm 8.632 hộ từ 32.173 hộ xuống còn 23.541 hộ). Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm 6,57% còn 20,91% (còn 18.942 hộ nghèo).

Năm 2024: dự kiến hộ nghèo giảm khoảng 15.000 hộ còn trên 20.000 hộ nghèo, tương ứng giảm 1,5% còn khoảng 2,02%; hộ cận nghèo giảm khoảng 10.000 hộ, tương ứng giảm 1% còn 4,57%. Giai đoạn 2022 - 2024 dự kiến giảm 47.350 hộ nghèo so với đầu giai đoạn (đầu năm 2022: 67.864 hộ nghèo).

Kết quả đã cơ bản đạt mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo đề ra.

### 2. Kết quả thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể khác của Chương trình

100% huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, gồm 06 huyện nghèo, 02 xã bãi ngang ven biển và hải đảo (riêng xã Hải Hà, thị xã Nghi Sơn chưa được đầu tư - Xã Hải Hà dự kiến sẽ di chuyển sang địa điểm khác do hiện nay đang nằm trong vùng quy hoạch phân khu, Khu kinh tế Nghi Sơn).

Trên 90% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo, đạt kế hoạch đề ra.

100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế (hộ nghèo được hỗ trợ 100%; hộ cận nghèo được hỗ trợ 70% mức đóng trở lên). Tỉnh Thanh Hóa hỗ trợ thêm cho hộ cận nghèo từ 15% - 20% mức đóng BHYT từ ngân sách tỉnh.

<sup>9</sup> a) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm theo tiêu chí mới của giai đoạn 2021 - 2025 từ 1,5% trở lên. b) Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân hằng năm 3% trở lên.



Có 569 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, đã triển khai thực hiện.

Các mục tiêu về tiếp cận giáo dục, nhà ở, thông tin và tín dụng chính sách được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Các kết quả trên đã góp phần hoàn thành mục tiêu của Chương trình tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

## **V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN NGHÈO, XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG BÃI NGANG, VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO**

### **1. Kết quả thực hiện các nội dung theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025**

#### *1.1. Đối với các huyện nghèo*

- Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều: Đầu giai đoạn tổng tỷ lệ nghèo đa chiều là 68,4% (32,88% hộ nghèo; 35,52% hộ cận nghèo). Dự kiến đến cuối năm 2024 tổng tỷ lệ nghèo đa chiều còn 32% (hộ nghèo còn 14%, hộ cận nghèo còn 18%), cuối năm 2025 sẽ có 02 huyện Bá Thước và Thường Xuân thoát khỏi huyện nghèo.

- Trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện nghèo được nâng lên.

- Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện nghèo dự kiến cuối năm 2025 dự kiến tăng hơn 1,5 lần so với năm 2020, đạt mục tiêu đề ra.

#### *1.2. Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo:*

- Tiêu chí công trình cơ sở hạ tầng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, phục vụ dân sinh của từng xã như sau:

+ Xã Ngự Lộc: còn 3/9 công trình cơ sở hạ tầng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, phục vụ dân sinh còn thiếu (hoặc chưa đạt chuẩn) gồm: (1) Cơ sở vật chất của trường mầm non hoặc tiểu học hoặc trung học cơ sở chưa đạt mức 2 chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2) Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt dưới 75%). (3) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu: Nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 3/9 công trình cơ sở hạ tầng không đánh giá (Tỷ lệ phòng học kiên cố của nhà trẻ, lớp mẫu giáo, tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, tỷ lệ kênh mương được kiên cố hóa).

+ Xã Nghi Sơn: Còn 4/9 công trình cơ sở hạ tầng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, phục vụ dân sinh còn thiếu (hoặc chưa đạt chuẩn) gồm: (1) Cơ sở vật chất của trường mầm non hoặc tiểu học hoặc trung học cơ sở chưa đạt mức 2 chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2) Chưa có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (3) Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo

cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt dưới 85%. (4) Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt dưới 75%. 2/9 công trình cơ sở hạ tầng không đánh giá (tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, tỷ lệ kênh mương được kiên cố hóa).

+ Xã Hải Hà: Còn 6/9 công trình cơ sở hạ tầng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, phục vụ dân sinh còn thiếu (hoặc chưa đạt chuẩn) gồm: (1) Xã chưa đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo quy định của Bộ Y tế. (2) Cơ sở vật chất của trường mầm non hoặc tiểu học hoặc trung học cơ sở chưa đạt mức 2 chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. (3) Tỷ lệ phòng học kiên cố của nhà trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt dưới 75%. (4) Chưa có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (5) Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt dưới 75%. (6) Tỷ lệ thôn chưa có nhà văn hóa 33%. 2/9 công trình cơ sở hạ tầng không đánh giá (tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, tỷ lệ kênh mương được kiên cố hóa).

## **2. Kết quả thực hiện các nội dung theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025**

Thực hiện Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Thanh Hóa có 02 huyện Bá Thước và Thường Xuân được hưởng chính sách hỗ trợ từ Tiểu dự án 2 Dự án 1: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 17/02/2023 về việc hỗ trợ huyện Bá Thước, huyện Thường Xuân thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025.

Kết quả việc lồng ghép huy động nguồn lực: Ngoài nguồn vốn đầu tư được Trung ương hỗ trợ còn có các nguồn lực khác để giúp 02 huyện Bá Thước, Thường Xuân: (1) Dự án 2 về đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; tiểu dự án 1, Dự án 3 về hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; Dự án 4 phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; (2) Nguồn hỗ trợ trực tiếp từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan trung ương; (3) Dự án 3, dự án 9 về phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng, miền, để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (4) Nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới; (5) Nguồn huy động từ các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia thực hiện dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị trên địa bàn huyện Bá Thước, huyện Thường Xuân.

Thực hiện Kế hoạch số 278/KH-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình phát triển kinh tế xã hội khu vực miền núi Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo; các huyện: Nga Sơn, Triệu Sơn và Quảng Xương đã xây dựng kế hoạch phối hợp, hợp tác và hỗ trợ huyện Bá Thước, huyện Thường Xuân sớm thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

Dự kiến đến cuối năm 2025, Thu nhập của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn 02 huyện Bá Thước, Thường Xuân tăng 1,8 lần so với năm 2020. Huyện Thường Xuân và huyện Bá Thước sẽ thoát khỏi huyện nghèo, đạt mục tiêu đề ra.

## **VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO VÀ AN SINH XÃ HỘI**

### **1. Chính sách hỗ trợ giáo dục đào tạo**

- Chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở và hỗ trợ gạo cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn: Tổng số học sinh được hỗ trợ: 55.574 lượt học sinh, Số gạo đã cấp 3 năm: 6.023.430 kg. Kinh phí hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở cho học sinh ước mỗi năm: 347.758 triệu đồng.

- Thực hiện Nghị định số 81/2020/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ: Tổng số học sinh được miễn, giảm học phí: 321.262 lượt học sinh. Kinh phí thực hiện: 132.151 triệu đồng. Hỗ trợ chi phí học tập: Tổng số 236.667 lượt học sinh với tổng kinh phí: 297.385 triệu đồng.

- Chính sách đối với học sinh là người DTTS học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ: Tổng số học sinh được cấp học bổng: 21.640 lượt học sinh. Kinh phí thực hiện ước mỗi năm: 240.140 triệu đồng. Kinh phí triển khai thực hiện các chế độ khác (Trang cấp hiện vật ban đầu, hỗ trợ tiền tàu xe cho học sinh, kinh phí khen thưởng,...): 72.744 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ: Tổng số đối tượng: 47.195 lượt học sinh. Kinh phí thực hiện ước mỗi năm: 67.960 triệu đồng.

### **2. Chính sách Y tế**

#### *2.1. Chính sách hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh cho người nghèo*

Chính sách hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh cho người nghèo được thực hiện thông qua Quỹ hỗ trợ Khám chữa bệnh cho người nghèo tỉnh Thanh Hóa: Từ năm 2014 đến hết tháng 6/2023, Quỹ đã thực hiện hỗ trợ cho 549.392 lượt người điều trị nội trú, kinh phí hỗ trợ 158.569.570.973 đồng. Trong đó giai đoạn 2021-2023 hỗ trợ cho 61.640 lượt người, kinh phí hỗ trợ 20.743.584.609 đồng. Từ ngày 01/7/2023 đến nay Quỹ tạm dừng hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

## 2.2. Chính sách hỗ trợ Bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo

Giai đoạn 2021 – 2024, HĐND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành 02 Nghị quyết hỗ trợ đóng BHYT cho đối tượng hộ cận nghèo từ ngân sách tỉnh: (1) Nghị quyết số 304/2022/NQ-HĐND ngày 27/8/2022 của HĐND tỉnh: Hỗ trợ 20% mức kinh phí tham gia BHYT (ngoài mức hỗ trợ 70% từ ngân sách trung ương) thời gian quý IV năm 2022; (2) Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND tỉnh: Hỗ trợ 15% mức kinh phí tham gia BHYT (ngoài mức hỗ trợ 70% từ ngân sách trung ương) thời gian từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2025.

Cùng với nguồn lực của Trung ương và sự hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đã góp phần giúp 100% người nghèo, cận nghèo tiếp cận được các dịch vụ về y tế.

## 2.3. Chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số

Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2024: Tổng số đối tượng được hỗ trợ: 160 người, tổng kinh phí đã hỗ trợ 320 triệu đồng.

## 3. Chính sách trợ giúp pháp lý

- Thực hiện thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng trợ giúp pháp lý; tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý: Đã chỉ đạo Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước phối hợp với UBND các huyện tổ chức các đợt truyền thông trực tiếp điếm theo địa bàn về trợ giúp pháp lý để hướng dẫn người nghèo, đối tượng yếu thế, người thuộc diện được trợ giúp pháp lý, người dân biết về trợ giúp pháp lý và cách thức để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý (14 xã thuộc các huyện: Quan Sơn, Thường Xuân và Bá Thước).

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực thực hiện chương trình cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý (Trợ giúp viên pháp lý, luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý).

## 4. Chính sách hỗ trợ tiền điện

- Giai đoạn 2021 - 2023 tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện: 205.763 hộ với số tiền 133.934 triệu đồng, trong đó: Hộ nghèo: 154.804 hộ, được hỗ trợ 101.684 triệu đồng; Hộ chính sách: 50.959 hộ, được hỗ trợ 32.250 triệu đồng.

- Năm 2024 ước thực hiện hỗ trợ cho 69.408 hộ với số tiền 45.809 triệu đồng, trong đó: Hộ nghèo: 59.710 hộ, được hỗ trợ 39.408 triệu đồng; Hộ chính sách: 9.698 hộ, được hỗ trợ 6.401 triệu đồng.

Các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội khác được tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời đã góp phần giúp người dân thoát nghèo, từng bước vươn lên trong cuộc sống.

## VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư vào tháng 7/2021, tuy nhiên đến năm 2022 Trung ương mới bắt đầu tổ chức thực hiện. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về cơ chế, chính sách, các hướng dẫn từ Trung ương chưa đầy đủ, kịp thời nhưng được

sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các sở, ngành cấp tỉnh, cùng với sự nỗ lực của các đơn vị, các địa phương và Nhân dân các hoạt động thuộc Chương trình đã và đang triển khai thực hiện cơ bản đạt mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, như: (1) Hệ thống văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của tỉnh cơ bản đầy đủ; các khó khăn, vướng mắc cơ bản được giải đáp; (2) Cơ chế quản lý, điều hành được đảm bảo thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; (3) Các dự án sử dụng vốn đầu tư công đã được phê duyệt và giải ngân đảm bảo tiến độ; (4) Một số dự án, tiểu dự án sử dụng vốn sự nghiệp đã được triển khai thực hiện hỗ trợ đến người nghèo, cận nghèo, người mới thoát nghèo; (5) Cấp ủy, chính quyền các địa phương đã lồng ghép các hoạt động của Chương trình vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương... Qua đó, góp phần đạt mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo (năm 2022 giảm 1,79%, năm 2023 giảm 1,47%, năm 2024 dự kiến giảm 1,5%, bình quân giai đoạn 2022 - 2024 dự kiến giảm 1,59% vượt kế hoạch đề ra bình quân là 1,5%/năm; dự kiến cuối năm 2024 còn 20.344 hộ nghèo, giảm 47.350 hộ nghèo so với đầu giai đoạn (đầu năm 2022: 67.864 hộ nghèo).

Tuy nhiên, kết quả tổng thể, tiến độ tổ chức thực hiện Chương trình mới cơ bản đạt so với yêu cầu đề ra; còn một số đơn vị, địa phương chưa thực sự quan tâm lãnh, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình làm cho các hoạt động chậm được triển khai, chậm giải ngân vốn đã làm ảnh hưởng đến tiến độ, mục tiêu thực hiện Chương trình trên địa bàn toàn tỉnh.

## **VIII. NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

### **1. Những khó khăn, hạn chế**

#### ***1.1. Cơ chế, chính sách hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình***

Thiết kế của Chương trình, cơ chế, chính sách, hướng dẫn của cơ quan Trung ương, tỉnh năm đầu triển khai thực hiện chậm được ban hành hoặc ban hành nhưng chưa phù hợp phải sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Chương trình.

#### ***1.2. Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển***

- Công tác khảo sát, thiết kế, lập hồ sơ dự án đầu tư, hồ sơ dự án bảo vệ môi trường, giải phóng mặt bằng và xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh chậm; một số dự án đầu tư chưa đủ cơ sở để thẩm định, trình phê duyệt. Đến nay, vẫn còn 01 dự án chưa được phê duyệt dự án đầu tư<sup>10</sup>.

- Một số dự án giao thông đã phê duyệt nhưng phải dừng thi công do dự án đi qua đất rừng phải lập hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng làm chậm tiến độ giải ngân và hiệu quả của dự án.

- Thời gian thẩm định hồ sơ các dự án khởi công mới của các cơ quan chuyên môn chưa được rút ngắn; một số hồ sơ phải thẩm định nhiều lần, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện.

<sup>10</sup> Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh.

Đến nay, các khó khăn trên cơ bản đã được giải quyết góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhằm mang lại hiệu quả cao trong việc sử dụng vốn đầu tư phát triển, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu của các địa phương.

### **1.3. Đối với các dự án sử dụng vốn sự nghiệp**

Đa số các đơn vị, địa phương được giao vốn sự nghiệp để thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình đều tổ chức triển khai thực hiện, giải ngân vốn chậm làm ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguồn vốn, người nghèo, cận nghèo, người mới thoát nghèo và các nhóm đối tượng được thụ hưởng nguồn vốn chậm được tiếp cận nguồn lực để ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo nhất là các nội dung thuộc Dự án 4 về phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững và hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

**1.4.** Các huyện, các đơn vị chậm xây dựng kế hoạch, lập dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện; (i) một số dự án, tiểu dự án (Dự án 2, Dự án 3, một phần Dự án 4) đầu giai đoạn còn vướng mắc trong cơ chế quản lý, điều hành, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh nên các huyện đợi sửa đổi Nghị định, Thông tư, Nghị quyết và hướng dẫn mới tổ chức tập huấn, giám sát, đánh giá. (ii) dự toán chi tiết đề nghị cơ quan Tài chính (cấp tỉnh, cấp huyện) thẩm định còn thiếu thông tin (về báo giá, quy cách, chủng loại, số lượng, định mức... chưa phù hợp), phải bổ sung làm kéo dài thời gian (iii) Cơ quan Tài chính cấp tỉnh, huyện chậm thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh, huyện phê duyệt dự toán chi tiết cho các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh; làm chậm thời gian thực hiện, giải ngân các nội dung, tiểu dự án. (iv) Một số địa phương chưa tổ chức hội nghị sơ kết, đánh giá giữa kỳ Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững theo Kế hoạch của UBND tỉnh đã yêu cầu.

## **2. Nguyên nhân của các khó khăn, hạn chế**

### **2.1. Nguyên nhân khách quan**

Mặc dù đã nỗ lực, cố gắng nhưng các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện các dự án, giải ngân vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp còn chậm. Nguyên nhân chủ yếu do:

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư vào tháng 7/2021, nhưng năm 2022 mới triển khai thực hiện, cùng với đó nguồn kinh phí đến tháng 7/2022 mới được phân bổ. Mặc dù các cấp, các ngành đã rất khẩn trương, quyết liệt thực hiện, nhưng vẫn còn một số văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình chậm ban hành, hoặc ban hành nhưng chưa đồng bộ dẫn tới các ngành, các địa phương lúng túng trong triển khai thực hiện. Đến ngày 24/6/2023, Chính phủ mới ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định cơ chế, quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Đến ngày 15/8/2023, Bộ Tài chính mới ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, theo đó bãi bỏ các Thông tư có liên quan để thống nhất thực hiện các chương trình mục tiêu

quốc gia. Qua đó, đã tháo gỡ nhiều khó khăn vướng mắc về trình tự, thủ tục thanh, quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình.

- Trình tự, thủ tục thực hiện các dự án, nhất là các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cần nhiều thời gian để cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Một số quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, đất đai,... còn chưa đồng bộ, thống nhất, khả thi, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Một số vướng mắc, bất cập trong các quy định của pháp luật liên quan đến dự án đầu tư công, tuy đã được phát hiện nhưng còn chậm được sửa đổi, bổ sung.

- Đối tượng là người nghèo, cận nghèo, người mới thoát nghèo ở những khu vực đồng bằng, thị xã, thành phố chủ yếu là người không còn khả năng lao động, trẻ em, đối tượng bảo trợ xã hội nên không đủ khả năng và không có nhu cầu tham gia học nghề. Người còn khả năng lao động đã đi làm ở các nhà máy, xí nghiệp và các nghề khác trong và ngoài tỉnh nên không có nhu cầu tham gia các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Đối tượng được hỗ trợ đào tạo nghề của Chương trình, gồm: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động có thu nhập thấp. Tuy nhiên hiện nay chưa có văn bản nào quy định cách xác định “người lao động có thu nhập thấp” trong khi thực tế các huyện miền xuôi hộ nghèo, cận nghèo chủ yếu là người không có khả năng lao động, do đó khó khăn trong việc tuyển sinh, mở lớp đào tạo nghề.

## **2.2. Nguyên nhân chủ quan**

- Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền còn hạn chế, tổ chức thực hiện thiếu quyết liệt, sợ trách nhiệm, làm việc cầm chừng; thiếu hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc.

- Một số chủ đầu tư chưa tích cực đấu thầu, phối hợp để tháo gỡ, xử lý dứt điểm các khó khăn, vướng mắc cho các dự án. Kiểm soát chất lượng hồ sơ dự án do đơn vị tư vấn lập còn yếu kém, dẫn đến chưa đảm bảo yêu cầu khi thẩm định. Cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong việc xử lý các vướng mắc đầu tư công còn chưa hiệu quả, chưa có những giải pháp căn cơ để xử lý dứt điểm những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong một số nội dung công việc sự phối hợp tham mưu của các sở, ngành chưa đảm bảo yêu cầu đề ra, chưa chủ động thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao; chưa tham mưu kịp thời cho UBND tỉnh ban các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo để triển khai thực hiện Chương trình.

- Vẫn còn một bộ phận người nghèo chưa chịu khó làm ăn, chi tiêu không hợp lý, thiếu ý chí vươn lên thoát nghèo; tư tưởng trông chờ ỷ lại, không muốn ra khỏi danh sách hộ nghèo, để được hưởng các chính sách hỗ trợ của nhà nước, vẫn còn hiện tượng hộ nghèo vay vốn sử dụng chưa đúng mục đích, hiệu quả chưa cao.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo còn thiếu, năng lực còn hạn chế, thường xuyên thay đổi nhất là ở cơ sở; công tác phối hợp ở một số huyện còn thiếu chặt chẽ, đặc biệt là năm đầu Chương trình.

## **3. Bài học kinh nghiệm**

### ***3.1. Về quán triệt, tuyên truyền về nâng cao nhận thức về giảm nghèo bền vững***

Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương cần xác định nhiệm vụ giảm nghèo là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng, Nhà nước, là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, góp phần thực hiện tiên bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; đưa nội dung giảm nghèo vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và từng giai đoạn của địa phương, đơn vị. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, cơ quan, đơn vị tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo ở địa phương, đơn vị theo chức trách nhiệm vụ được giao.

### ***3.2. Về ban hành các văn bản triển khai thực hiện Chương trình***

Tiếp tục nâng cao trách nhiệm, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, lãnh đạo cơ quan trong việc nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các văn bản triển khai thực hiện Chương trình nhằm ban hành kịp thời, đầy đủ, tránh chồng chéo, mâu thuẫn trong các văn bản. Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản không còn phù hợp. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu, quan tâm bố trí, sử dụng cán bộ, công chức có năng lực tham mưu, tổng hợp xây dựng, ban hành, văn bản theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng các yêu cầu công việc đặt ra. Chú trọng khai thác tối đa, hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác soạn thảo văn bản nhằm bảo đảm tiến độ, nâng cao chất lượng văn bản trước khi trình ban hành. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức nhằm nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, bảo đảm phục vụ tốt nhiệm vụ trong tình hình mới.

### ***3.3. Về lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức điều hành, thực hiện phối hợp thực hiện Chương trình***

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, vai trò tham mưu triển khai thực hiện của các ngành. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để các huyện nghèo, các huyện có số lượng hộ nghèo cao quyết tâm phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu giảm nghèo. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt là những thủ tục liên quan đến việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo; cấp xã, cộng đồng thôn, bản phải chủ động trong việc quản lý, giám sát và thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo trên địa bàn. Quan tâm chỉ đạo thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo, bảo đảm đầy đủ, kịp thời theo quy định; bố trí đủ vốn, kinh phí đối ứng của địa phương để thực hiện các dự án, tiêu dự án; thực hiện lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án khác.

Các cấp ủy đảng, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án hỗ trợ giảm nghèo của Trung ương, của tỉnh trên địa bàn; phân bổ và sử dụng các nguồn lực hiệu quả, đúng mục đích; đồng thời bố trí ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án, các cơ chế, chính sách giảm nghèo trên địa bàn.



### **3.4. Về kiểm tra, giám sát, thanh tra, xử lý các vi phạm**

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể nhằm khắc phục những hạn chế, phát huy những điểm mạnh, lợi thế để Chương trình đạt được hiệu quả tốt nhất. Tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp xã, huyện, đặc biệt là các xã nghèo, các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào DTTS. Gắn kết thực hiện các CTMTQG với thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tăng cường phân cấp cho cơ sở, tạo cho cơ sở chủ động trong quá trình lập kế hoạch, điều hành quản lý hoạt động của các chương trình.

### **3.5. Về phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc các cấp**

Tiếp tục phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp trong việc giám sát trong thực hiện chương trình; sự vào cuộc của các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm trong việc nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của người nghèo; thực hiện tốt phong trào thi đua “Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”.

## **IX. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030 tiếp tục thực hiện theo các cơ chế quản lý, điều hành giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó, cần làm rõ thêm đối tượng được thụ hưởng từ các nguồn vốn đầu tư; đối tượng được thụ hưởng từ nguồn vốn sự nghiệp, trong đó bao gồm cả vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư (để nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng các công trình, dự án; mua sắm máy móc, trang thiết bị, ...).

2. Đối với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Tham mưu ban hành chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030 và quy trình rà soát hộ nghèo ngay từ quý III năm 2025, đề tiến hành rà soát xác định số hộ nghèo, cận nghèo, từ đó xác định nhu cầu, nguồn lực và có định hướng cho công tác xây dựng chính sách giảm nghèo của Trung ương và các địa phương./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (để b/c);
- TTr: HĐND tỉnh, Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Lao động – TBXH, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, NN và PTNT, Y tế, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VX<sub>BTXH71</sub>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đầu Thanh Tùng**